

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYÊN QUANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYÊN QUANG

Số 2 đường Kim Bình, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang được chuyển từ Xí Nghiệp Tuyên Quang thành Công ty Cổ Phần theo quyết định số 1344/QĐ – CT ngày 14/11/2004 củ UBND tỉnh Tuyên Quang.

Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1503 000 034 ngày 31 tháng 03 năm 2005, thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 09 năm 2012.

**Tên Công ty:** Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang

**Tên Giao dịch quốc tế:** Tuyen Quang Cement Joint Stock Company

**Tên viết tắt:** TUYEN QUANG CJSC

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: số 2 đường Kim Bình, xã Tràng Đà, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang.

Điện thoại: 027 382269

Fax: 027 3821920

Mã số thuế: 5000 119 170

**Vốn điều lệ:** 55.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn.*)

*Trong đó:* Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữ 55% tương đương 30.250.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ hai trăm năm mươi nghìn đồng.*) và các cổ đông khác giữ 45% tương đương 24.750.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tư tỷ bảy trăm năm mươi nghìn đồng.*).

#### Đơn vị chi nhánh:

-Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang chi nhánh Hà Giang được hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5000119170 – 002 ngày 09 tháng 09 năm 2013 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 09 tháng 09 năm 2013.

Trụ sở đặt tại: Thôn Tân An – xã Việt Vinh – huyện Bắc Quang – tỉnh Hà Giang.

-Chi nhánh Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang – Nhà máy chế biến Gỗ hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5000119170 – 001 ngày 12 tháng 04 năm 2013 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 12 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở đặt tại: xóm Chanh 1, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

#### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất xi măng;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây dựng, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn thiết bị, phụ tùng thy thể phục vụ sản xuất xi măng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình đê, kè, đập; Xây dựng công trình công nghiệp.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Khai thác đá (doanh nghiệp chỉ có hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYÊN QUANG

Số 2 đường Kim Bình, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang

- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón. Chi tiết: khai thác, chế biến Barite (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ hàng hóa khai thác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất ván ép, ván ghép, gỗ công nghiệp từ nguyên liệu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: xây dựng công trình kênh mương;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Chi tiết: sản xuất cửa từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp.
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ xăng, dầu (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng). Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng xe ô tô tải (trừ ô tô chuyên dụng).

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

### BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo:

#### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

<b>Hội đồng quản trị</b>	Ông Phạm Duy Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/09/2011
	Ông Hoàng Kim Trọng	Ủy viên	
	Ông Dương Văn Cách	Ủy viên	
	Ông Trần Đình Khiên	Ủy viên	
	Bà Đỗ Thị Thái Hà	Ủy viên	
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Duy Hiền	Giám đốc	
	Ông Hoàng Kim Trọng	Phó giám đốc	
	Ông Trần Đình Khiên	Phó giám đốc	

# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYỀN QUANG

Số 2 đường Kim Bình, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC.

Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế với Công ty như: góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

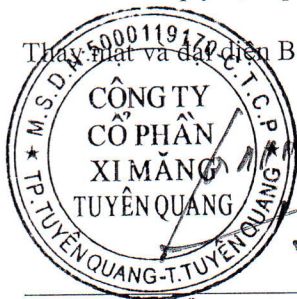
Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, công nợ phải thu phải trả, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý về lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phạm Duy Hiền  
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Số: 49/2015/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Ban Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang (“Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2015, từ trang 07 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty chưa thực hiện việc trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho những mặt hàng tồn kho lâu ngày theo quy định hiện hành.

Chi phí lãi vay năm 2011 và năm 2012 đang treo trên tài khoản 242 - Chi phí trả trước dài hạn mà chưa được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh (chi tiết xem thuyết minh 9).

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 21.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục



**Bùi Thế Hùng**  
**Giám đốc**

*Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 1027-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

**CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**Đinh Thế Hùng**  
**Kiểm toán viên**

*Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 1917-2013-146-1

1027-2013-146-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 01-DN	
			Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>93.599.973.332</b>	<b>75.690.989.316</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>4.662.773.168</b>	<b>1.451.296.356</b>
1. Tiền	111		4.662.773.168	1.451.296.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37.491.177.833</b>	<b>36.065.512.105</b>
1. Phải thu khách hàng	131		36.433.816.735	32.874.792.839
2. Trả trước cho người bán	132		601.602.361	2.726.606.274
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>4</b>	455.758.737	464.112.992
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>III- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>45.243.168.718</b>	<b>30.422.015.309</b>
1. Hàng tồn kho	141		45.243.168.718	30.422.015.309
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.202.853.613</b>	<b>7.752.165.546</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.093.676	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		368.890.454	558.168.933
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.815.869.483	7.193.996.613
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>215.759.564.514</b>	<b>257.501.614.403</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.646.397.656</b>	<b>191.325.393.500</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	163.547.150.766	191.022.181.145
- Nguyên giá	222		391.751.682.418	391.674.778.984
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(228.204.531.652)	(200.652.597.839)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	21.009.981	76.409.985
- Nguyên giá	228		674.736.182	734.736.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(653.726.201)	(658.326.197)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	78.236.909	226.802.370
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>16.856.919</b>	<b>16.856.919</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16.856.919	16.856.919
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
<b>III- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>52.096.309.939</b>	<b>66.159.363.984</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	51.844.206.673	65.944.099.718
2. Tài sản dài hạn khác	268		252.103.266	215.264.266
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>309.359.537.846</b>	<b>333.192.603.719</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>436.264.020.327</b>	<b>433.444.928.587</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>308.344.544.262</b>	<b>300.143.898.743</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	134.850.732.828	134.809.726.489
2. Phải trả người bán	312		94.424.672.495	102.225.317.050
3. Người mua trả tiền trước	313		284.483.697	975.079.017
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	314	11	8.495.545.108	9.921.028.428
5. Phải trả người lao động	315		6.286.171.006	11.597.144.819
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	12	65.467.351.695	42.132.908.410
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(1.464.412.567)	(1.517.305.470)
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>127.919.476.065</b>	<b>133.301.029.844</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	127.919.476.065	133.301.029.844
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(126.904.482.481)</b>	<b>(100.252.324.868)</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>(126.904.482.481)</b>	<b>(100.252.324.868)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.122.232.564	2.122.232.564
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		344.207.345	344.207.345
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(184.370.922.390)	(157.718.764.777)
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>309.359.537.846</b>	<b>333.192.603.719</b>
(430 = 300+400)				

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
5. Ngoại tệ các loại	005			
Dollar Mỹ (USD)			215,43	687,85

Đặng Lan Anh

Người lập biểu

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Dương Văn Cạch

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	352.453.260.987	322.633.145.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	8.873.383.041	2.989.039.755
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	343.579.877.946	319.644.105.467
4. Giá vốn hàng bán	11	18	298.852.603.218	300.430.483.489
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>44.727.274.728</b>	<b>19.213.621.978</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	29.837.294	41.350.088
7. Chi phí tài chính	22	20	41.568.258.165	47.332.839.129
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		41.563.166.022	47.332.839.129
8. Chi phí bán hàng	24		20.010.240.411	18.968.853.586
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.705.138.929	8.168.853.138
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(25.526.525.483)</b>	<b>(55.215.573.787)</b>
11. Thu nhập khác	31		113.922.886	475.453.761
12. Chi phí khác	32		219.682.877	411.996.556
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(105.759.991)</b>	<b>63.457.205</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(25.632.285.474)</b>	<b>(55.152.116.582)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		61.683.701	25.082.303
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(25.693.969.175)</b>	<b>(55.177.198.885)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

**Đặng Lan Anh**

Người lập biểu

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 03 năm 2015

**Dương Văn Cách**

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	212.876.733.944	214.097.962.205
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(141.511.951.754)	7.463.653.219
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(29.000.940.740)	(23.014.339.626)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(26.935.990.627)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(42.371.860)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.926.829.338	4.445.454.605
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30.821.759.108)	(16.050.663.670)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.426.539.820</b>	<b>160.006.076.106</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(42.652.281.988)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.092.679	11.526.365
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>16.092.679</b>	<b>(42.640.755.623)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.600.000.000	14.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.835.547.440)	(134.886.635.669)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(13.235.547.440)</b>	<b>(120.386.635.669)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.207.085.059</b>	<b>(3.021.315.186)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.451.296.356</b>	<b>4.464.697.148</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	4.391.753	7.914.394
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.662.773.168</b>	<b>1.451.296.356</b>

Đặng Lan Anh

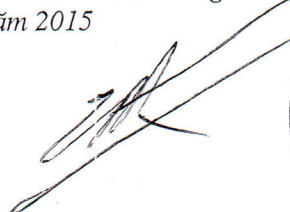
Người lập biểu

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 03 năm 2015



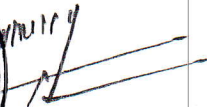
Dương Văn Cạch

Kế toán trưởng



Phạm Duy Hiền

Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang được chuyển từ Xí Nghiệp Tuyên Quang thành Công ty Cổ Phần theo quyết định số 1344/QĐ – CT ngày 14/11/2004 củ UBND tỉnh Tuyên Quang.

Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1503 000 034 ngày 31 tháng 03 năm 2005, thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 09 năm 2012.

**Địa chỉ trụ sở chính:** số 2 đường Kim Bình, xã Tràng Đà, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Sản xuất xi măng
- Bán lẻ xi măng, gạch xây dựng, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất xi măng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình đê, kè, đập; Xây dựng công trình công nghiệp.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Khai thác đá (doanh nghiệp chỉ có hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón. Chi tiết: khai thác, chế biến Barite (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ hàng hóa khai thác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất xi măng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất ván ép, ván ghép, gỗ công nghiệp từ nguyên liệu gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: xây dựng công trình kênh mương;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Chi tiết: sản xuất cửa từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp.
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ xăng, dầu (doanh nghiệp chỉ có hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng). Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng xe ô tô tải (trừ ô tô chuyên dụng).

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

### **2.4 Chính sách kế toán áp dụng**

#### **2.4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền.*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **2.4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ*

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho.*

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**2.4.3 Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định.**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình.*

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình.*

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian sử dụng</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3-10 năm

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá và thực hiện trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm.

**2.4.4 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang (ví dụ như chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYÊN QUANG**

Số 2 đường Kim Bình, xã Trảng Đà, thành phố Tuyên  
Quang, tỉnh Tuyên Quang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**2.4.5 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc phân phối lợi nhuận**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**2.4.6 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo) MẪU B 09-DN**  
(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>337.067.630</b>	<b>81.539.884</b>
Tại Nhà máy Xi Măng	965.697	1.556.253
Tại Nhà máy Gõ	228.058.054	48.456.742
Tại chi nhánh Hà Giang	108.043.879	31.526.889
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>4.325.705.538</b>	<b>1.369.756.472</b>
Tại Nhà máy Xi Măng	4.150.208.010	5.310.644
Tại Nhà máy Gõ	145.310.426	26.770.073
Tại chi nhánh Hà Giang	30.187.102	1.337.675.755
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.662.773.168</b>	<b>1.451.296.356</b>

**Chi tiết các ngân hàng**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tiền gửi ngân hàng (VND)</b>	<b>4.315.417.634</b>	<b>1.349.579.960</b>
Ngân hàng NN&PTN VN - CN Tuyên Quang- TK số 81002111249	4.102.635.635	3.688.615
Ngân hàng ĐT và PTVN - CN Tuyên Quang - TK số 34110000006669	47.572.375	1.622.029
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - TK số 3411.0000.858.374	1.378.886	826.185
Ngân hàng TMCP Công Thương Tuyên Quang - TK số 1020.100.0172.9313	133.643.636	5.767.376
Ngân hàng NN&PTNT- TK số 8209.201.204.178	22.286.977	45.392.415
Ngân hàng ĐT&PTVN - CN Hà Giang- TK số 3461.000.037.080	7.900.125	1.292.283.340
<b>Tiền gửi ngân hàng (USD)</b>	<b>10.287.904</b>	<b>20.176.512</b>
Ngân hàng ĐT và PT VN- CN Tuyên Quang - TK số 3411.1037.001.5182(0 USD)	-	16.321
Ngân hàng TMCP Công Thương Tuyên Quang - TK số 1020.200.0018.4068 (215,43 USD)	10.287.904	20.160.191
<b>Cộng</b>	<b>4.325.705.538</b>	<b>1.369.756.472</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>455.758.737</b>	<b>464.112.992</b>
Tiền LP trước bạ , Thuế chuyên quyền SDD	15.406.754	15.406.754
Tiền xăng xe đi công tác loại ra sau khi KTra Nguyễn Văn Lan	42.866.182	42.866.182
Cao Như Sơn	28.833.000	28.833.000
Công ty trách nhiệm hữu hạn MTR	65.000.000	65.000.000
Quỹ phúc lợi công ty	213.159.722	213.159.722
Khác	-	15.440.000
<b>Cộng</b>	<b>455.758.737</b>	<b>464.112.992</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.372.484.267	17.947.980.814
Công cụ, dụng cụ	74.341.609	221.879.360
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.085.063.138	3.964.223.878
Thành phẩm	21.694.541.827	8.058.785.647
Hàng hoá	16.737.877	229.145.610
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>45.243.168.718</b>	<b>30.422.015.309</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>45.243.168.718</b>	<b>30.422.015.309</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYÊN QUANG**

Số 2 đường Kim Bình, xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	397.736.182	337.000.000	734.736.182
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	60.000.000	60.000.000
Thanh lý, nhượng bán		60.000.000	60.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>397.736.182</b>	<b>277.000.000</b>	<b>674.736.182</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	397.736.182	260.590.015	658.326.197
Tăng trong kỳ	-	55.400.004	55.400.004
Khấu hao trong kỳ		55.400.004	55.400.004
Giảm trong kỳ	-	60.000.000	60.000.000
Thanh lý, nhượng bán		60.000.000	60.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>397.736.182</b>	<b>255.990.019</b>	<b>653.726.201</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2014	-	76.409.985	76.409.985
Tại 31/12/2014	-	21.009.981	21.009.981

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí KSTK các kho, hàng rào và đường nội bộ	78.236.909	226.802.370
<b>Cộng</b>	<b>78.236.909</b>	<b>226.802.370</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYỀN QUANG**

Số 2 đường Kim Bình, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2014</b> <b>VND</b>
Chi phí CCDC đã xuất dùng	1.077.314.672	1.981.916.967
Chi phí lãi vay năm 2011	23.339.700.860	23.339.700.860
Chi phí lãi vay năm 2012	24.107.304.325	24.107.304.325
Chi phí lãi vay năm 2013	-	11.760.236.527
Chênh lệch tỷ giá XD CB	-	112.093.294
Dự phòng trợ cấp MVL 2012, 2013	1.881.044.091	4.057.727.956
Chi phí DX trồng rừng 2010	-	223.531.230
Dự án KT, TK và phục hồi môi trường mỏ Barit	-	26.220.929
TSCĐ không đủ tiêu chuẩn	17.398.268	49.295.012
Dự phòng trợ cấp MVL 2014	1.340.865.500	-
Điều chuyển từ NM Xi măng xuống NM Gõ	80.578.957	286.072.618
<b>Cộng</b>	<b>51.844.206.673</b>	<b>65.944.099.718</b>

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2014</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2014</b> <b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>132.150.732.828</b>	<b>132.109.726.489</b>
Ngân hàng BIDV chi nhánh Tuyên Quang (*)	42.151.794.705	42.151.794.705
Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Tuyên Quang (**)	89.998.938.123	89.957.931.784
<b>Vay ngắn hạn cá nhân (***)</b>	<b>2.700.000.000</b>	<b>2.700.000.000</b>
Phan Thị Bái	600.000.000	600.000.000
Đình Văn Minh	400.000.000	400.000.000
Đình Văn Nguyên	400.000.000	400.000.000
Cao Văn Lâm	400.000.000	400.000.000
Nguyễn Thị Dung	600.000.000	600.000.000
Bùi Huy Thắng	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>134.850.732.828</b>	<b>134.809.726.489</b>

Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang phát sinh các khoản vay ngắn hạn với mục đích để phục vụ cho sản xuất kinh doanh xi măng tại Công ty.

(\*) Vay Ngân hàng NN&PTNN chi nhánh Tuyên Quang theo hợp đồng số LAV201200071 ngày 07/02/2012 (gồm các khế ước vay kèm theo với mức lãi suất theo từng thời điểm từ 8%/năm đến 12%/năm).

(\*\*) Vay Ngân hàng BIDV chi nhánh Tuyên Quang theo hợp đồng số 01/2011/HD ngày 06/07/2014 (kèm các khế ước vay với mức lãi suất 8%/năm).

(\*\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Chi nhánh Công ty Cổ Phần Xi Măng Tuyên Quang tại Hà Giang còn vay ngắn hạn các đối tượng khác, vay không thế chấp với lãi suất 12%/năm. Mục đích để phục vụ cho

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYÊN QUANG**

Số 2 đường Kim Bình, xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu****Vốn điều lệ**

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5000119170 ngày 21/09/2012			Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2014	
	Cổ phần	VND	%	VND	%
Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang	3.025.000	30.250.000.000	55%	30.250.000.000	55%
Các cổ đông khác	2.475.000	24.750.000.000	45%	24.750.000.000	45%
	<b>5.500.000</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.536.495
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.536.495
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.536.495
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.536.495
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.536.495
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	2.122.232.564	2.122.232.564
Quỹ dự phòng tài chính	344.207.345	344.207.345
<b>Cộng</b>	<b>2.466.439.909</b>	<b>2.466.439.909</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG TUYẾN QUANG**

Số 2 đường Kim Bình, xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nhà máy Xi măng	311.117.651.379	305.645.971.219
Doanh thu nhà máy Gõ	10.795.666.473	9.640.560.468
Doanh thu chi nhánh Hà Giang	30.539.943.135	7.346.613.535
<b>Cộng</b>	<b>352.453.260.987</b>	<b>322.633.145.222</b>

**16. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhà máy Xi măng - chiết khấu thương mại	* 8.714.657.102	2.989.039.755
Nhà máy Gõ - thuế XNK	158.725.939	-
Chi nhánh Hà Giang	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.873.383.041</b>	<b>2.989.039.755</b>

**17. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nhà máy Xi măng	302.402.994.277	302.799.431.060
Doanh thu nhà máy Gõ	10.636.940.534	9.498.060.872
Doanh thu chi nhánh Hà Giang	30.539.943.135	7.346.613.535
<b>Cộng</b>	<b>343.579.877.946</b>	<b>319.644.105.467</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn nhà máy Xi măng	254.920.168.020	281.652.230.895
Giá vốn nhà máy Gõ	14.659.224.743	11.735.848.099
Giá vốn chi nhánh Hà Giang	29.273.210.455	7.042.404.495
<b>Cộng</b>	<b>298.852.603.218</b>	<b>300.430.483.489</b>